TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN C** **TỈNH LẠNG SƠN**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh Phúc**
Bản án số: 19/2023/HNGĐ-ST Ngày 22-9-2023 V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn	

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN C, TỈNH LẠNG SƠN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phan Thị Thanh Huyền.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Hoàng Thị Lá;

2. Bà Hoàng Thu Cúc.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nông Văn Đông, Thẩm tra viên Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Lạng Sơn.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện C, tỉnh Lạng Sơn tham gia phiên toà: Bà Nguyễn Thị Vân, Kiểm sát viên

Ngày 22 tháng 9 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Lạng Sơn xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 49/2023/TLST-HNGĐ ngày 16 tháng 6 năm 2023 về việc "ly hôn, tranh chấp về nuôi con" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 24/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 25 tháng 8 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số 14/2023/QĐST-HNGĐ ngày 11 tháng 9 năm 2023, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Ngô Thị T, sinh năm 1992; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Thôn M, thị trấn C, huyện C, tỉnh Lạng Sơn; địa chỉ nơi ở hiện nay: Thôn D, xã Y, huyện H, tỉnh Lạng Sơn; vắng mặt.

2. Bị đơn: Anh Phí Văn Đ, sinh năm 1991; địa chỉ: Thôn M, thị trấn C, huyện C, tỉnh Lạng Sơn; vắng mặt.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ông Phí Văn Đ1, sinh năm 1964; địa chỉ: Thôn M, thị trấn C, huyện C, tỉnh Lạng Sơn; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện của nguyên đơn và các lời khai tại Tòa án, chị Ngô Thị T trình bày như sau:

Về quan hệ hôn nhân: Chị Ngô Thị T và anh Phí Văn Đ được tự do tìm hiểu, tự nguyện lấy nhau và được gia đình hai bên tổ chức cưới, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn C, huyện C, tỉnh Lạng Sơn vào ngày 15-01-2014. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống cùng gia đình chồng tại khu M, thị trấn C, huyện C, tỉnh Lạng Sơn. Cuộc sống vợ chồng hạnh phúc, nhưng từ sau khi chị sinh người con thứ hai anh chị xảy ra nhiều mâu thuẫn. Nguyên nhân do anh Phí Văn Đ không tu chí làm ăn, không có trách nhiệm với vợ con, chị và gia đình anh Phí Văn Đ đã khuyên bảo nhiều lần nhưng anh Phí Văn Đ không nghe. Vì các nguyên nhân đó, từ năm 2019 vợ chồng xảy ra mâu thuẫn trầm trọng, anh chị đã sống ly thân cho từ năm 2019 cho đến nay không thể khắc phục, hàn gắn tình cảm vợ chồng. Chị Ngô Thị T xác định tình cảm vợ chồng không còn, yêu cầu được ly hôn với anh Phí Văn Đ.

Về con chung: Chị Ngô Thị T và anh Phí Văn Đ có 02 người con chung là Phí Văn Đ2, sinh ngày 13-11-2014 và Phí Văn N, sinh năm 28-10-2019. Khi ly hôn, chị Ngô Thị T yêu cầu được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục hai con chung Phí Văn Đ2 và Phí Văn N đến khi hai con đủ 18 tuổi và không yêu cầu anh Phí Văn Đ phải cấp dưỡng nuôi con chung. Chị Ngô Thị T cung cấp tài liệu hợp đồng lao động, bảng lương, đơn xin xác nhận của bố đẻ ông Ngô Văn K, để chứng minh việc làm, mức thu nhập, điều kiện nuôi con chung.

Về tài sản chung, nợ chung: Chị Ngô Thị T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ý kiến của cháu Phí Văn Đ2: Hiện cháu đang ở cùng ông nội là ông Phí Văn Đ1, do bố mẹ nhờ ông nội chăm sóc cháu. Bố mẹ ly hôn cháu mong muốn ở với bố, trường hợp bố cháu không đến Tòa án giải quyết, cháu có nguyện vọng được ở cùng mẹ.

Bị đơn anh Phí Văn Đ đã được Tòa án thông báo, triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng không chấp hành, không đến Tòa án giải quyết vụ án theo giấy triệu tập, thông báo của Tòa án, do vậy Tòa án không lấy được lời khai của anh Phí Văn Đ về các yêu cầu liên quan đến nội dung vụ án. Tòa án đã tiến hành xác minh, tống đạt và niêm yết các văn bản tố tụng theo quy định cho bố đẻ anh Phí Văn Đ là ông Phí Văn Đ1 và tiến hành thu thập tài liệu chứng cứ, thông báo mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, nhưng anh Phí Văn Đ không có mặt nên không tiến hành hoà giải được.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Phí Văn Đ1 trình bày: Ông là bố đẻ của anh Phí Văn Đ. Anh Phí Văn Đ cùng con lớn của anh chị là cháu Phí Văn Đ2 hiện ở cùng với ông, do chị Ngô Thị T và anh Phí Văn Đ đều đi làm ăn ở ngoài nên đã nhờ ông chăm sóc con lớn. Từ tháng 12 năm 2022 chị Ngô Thị T và con nhỏ Phí Văn N đã về bên nhà ngoại ở. Việc ly hôn, mâu thuẫn giữa chị Ngô Thị T và anh Phí Văn Đ ông không biết. Ông đã có lần từ chối nhận văn bản tố tụng của Tòa án tống đạt cho anh Phí Văn Đ do con trai ông không ở nhà, nhưng ông đã thông báo cho anh Phí Văn Đ biết các lần Tòa án triệu tập, để con trai ông

đến Tòa án giải quyết; ông cũng biết Tòa án đã niêm yết các văn bản tố tụng để triệu tập, thông báo cho con ông đến Tòa án giải quyết nhưng con trai ông nói không đến Tòa án. Ông yêu cầu Tòa án giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật và vắng mặt ông.

Tòa án tiến hành xác minh với ông Phí Văn T1 là Trưởng khu M, thị trấn C, huyện C, tỉnh Lạng Sơn về mâu thuẫn vợ chồng chị Ngô Thị T và anh Phí Văn Đ, điều kiện nuôi con, tài sản chung, nợ chung: Ông Phí Văn T1 cho biết, chị Ngô Thị T và anh Phí Văn Đ đi làm công ty, sau đó chị Ngô Thị T đã đưa người con nhỏ bỏ về nhà ngoại ở từ cuối năm 2022. Việc anh chị mâu thuẫn như thế nào ông không biết, do không thấy anh chị trình báo về hành vi mâu thuẫn gia đình. Hiện tại anh Phí Văn Đ vẫn có hộ khẩu ở cùng bố đẻ là ông Phí Văn Đ1. Anh chị có hai con chung; về điều kiện nuôi con của anh Phí Văn Đ, hiện ở nhờ nhà bố đẻ, đi làm công ty xa nhà không thường xuyên ở nhà, do không báo địa phương nên không biết nghề nghiệp, việc làm, thu nhập của anh Phí Văn Đ thế nào. Về tài sản chung là đất đai, về nợ Ngân hàng thì không thấy có nợ; còn anh chị có nợ cá nhân không thì địa phương không biết.

Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm về việc tuân theo pháp luật: Về việc tuân theo pháp luật tố tụng, nguyên đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chấp hành đúng, đầy đủ quy định tại các Điều 70, 71, 73 Bộ luật Tố tụng dân sự; bị đơn không chấp hành đúng quy định tại các Điều 70, 72 Bộ luật Tố tụng dân sự; Thẩm phán, Thư ký và Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng quy định pháp luật; không có kiến nghị gì về tố tụng. Về nội dung vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, các Điều 58, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình: Chấp nhận yêu cầu của chị Ngô Thị T, cho chị Ngô Thị T được ly hôn với anh Phí Văn Đ. Về con chung: Giao hai con chung là Phí Văn Đ2, sinh ngày 13-11-2014 và Phí Văn N, sinh năm 28-10-2019 cho chị Ngô Thị T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến tuổi trưởng thành (đủ 18 tuổi); anh Phí Văn Đ không phải cấp dưỡng nuôi con chung do chị Ngô Thị T không yêu cầu và có quyền đi lại thăm nom con chung mà không ai được cản trở. Về tài sản chung và nợ chung: Không xem xét giải quyết do không có yêu cầu. Về án phí, chị Ngô Thị T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định.

Các tài liệu, chứng cứ trong vụ án gồm: Giấy chứng nhận kết hôn; giấy tờ tuỳ thân; giấy khai sinh của hai con chung; các biên bản giao nhận, tống đạt, niêm yết văn bản tố tụng; giấy xác nhận, hợp đồng lao động, phiếu lương tháng; biên bản xác minh.

Các tình tiết, sự kiện không phải chứng minh và các tình tiết mà các bên đã thống nhất: Chị Ngô Thị T và anh Phí Văn Đ có đăng ký kết hôn tại cơ quan có thẩm quyền và có 02 người con chung là Phí Văn Đ2, sinh ngày 13-11-2014; Phí Văn N, sinh năm 28-10-2019.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét, thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Nguyên đơn chị Ngô Thị T có đơn xin xét xử vắng mặt. Bị đơn anh Phí Văn Đ vắng mặt, không có lí do. Quá trình giải quyết vụ án bị đơn anh Phí Văn Đ không hợp tác mặc dù đã được Tòa án triệu tập, thông báo, hợp lệ nhiều lần nhưng không chấp hành, không đến Tòa án giải quyết vụ án theo giấy triệu tập, thông báo của Tòa án; Tòa án tống đạt hợp lệ tất cả các văn bản tố tụng cho bố đẻ anh Phí Văn Đ là ông Phí Văn Đ1, ông Phí Văn Đ1 cũng thừa nhận rằng các văn bản tố tụng do Tòa án giao cho ông, ông đã thông báo cho con con trai anh Phí Văn Đ biết nhưng anh Phí Văn Đ không đến Tòa giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật. Bị đơn anh Phí Văn Đ và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Phí Văn Đ1 đã được triệu tập hợp lệ đến tham gia phiên tòa lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Căn cứ vào khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt chị Ngô Thị T, anh Phí Văn Đ, ông Phí Văn Đ1.

[2] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết: Nguyên đơn chị Ngô Thị T khởi kiện yêu cầu ly hôn, giải quyết về con chung khi ly hôn, vì vậy xác định quan hệ pháp luật là "ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn" theo khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn anh Phí Văn Đ có nơi đăng ký hộ khẩu thường trú tại khu M, thị trấn C, huyện C, tỉnh Lạng Sơn. Do đó, căn cứ vào khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự, thẩm quyền giải quyết thuộc Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Lạng Sơn.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Chị Ngô Thị T và anh Phí V Đoàn kết hôn năm 2014 trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn C, huyện C, tỉnh Lạng Sơn nên cuộc hôn nhân này là hợp pháp. Quá trình chung sống vợ chồng anh chị đã xảy ra mâu thuẫn trầm trọng. Nguyên nhân do anh Phí Văn Đ vi phạm nghĩa vụ của vợ chồng, không có trách nhiệm với gia đình, không tu trí làm ăn, không còn quan tâm, yêu thương nhau, anh chị đã sống ly thân mỗi người một nơi thời gian dài, không thể khắc phục được mâu thuẫn, chị Ngô Thị T xác định không còn tình cảm vợ chồng, yêu cầu được ly hôn. Điều này phù hợp với nội dung xác minh của Tòa án và các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án. Xét thấy, mâu thuẫn giữa chị Ngô Thị T và anh Phí Văn Đ đã trầm trọng, cuộc sống chung không còn hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được. Việc chị Ngô Thị T yêu cầu ly hôn với anh Phí Văn Đ là có căn cứ quy định tại Điều 19, khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] Về con chung: Chị Ngô Thị T và anh Phí Văn Đ có hai người con chung là Phí Văn Đ2, sinh ngày 13-11-2014 và Phí Văn N, sinh năm 28-10-2019. Hai con anh chị có nguyện vọng được ở cùng chị Ngô Thị T. Hội đồng xét xử xét thấy các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ thể hiện chị Ngô Thị T có nghề nghiệp làm công nhân, có thu nhập, được bố đẻ tạo điều kiện về nhà ở cho mẹ con chị ở cùng ông ngoại và giúp đỡ chị chăm sóc, đưa đón con đi học trong thời gian chị đi làm,

vì vậy chị Ngô Thị T yêu cầu được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục hai con là có căn cứ, đảm bảo quyền lợi mọi mặt của con, phù hợp với nguyện vọng của các con. Anh Phí Văn Đ không phải cấp dưỡng nuôi con chung do chị Ngô Thị T không yêu cầu.

[5] Về tài sản chung, nợ chung: Chị Ngô Thị T không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[6] Xét thấy ý kiến của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa là có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[7] Về án phí: Chị Ngô Thị T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[8] Nguyên đơn; bị đơn; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1, khoản 3 Điều 228; các Điều 266, 271, 272, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Căn cứ vào Điều 19, khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 56; các Điều 57, 58, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình.

Căn cứ vào điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu của chị Ngô Thị T. Cho chị Ngô Thị T được ly hôn với anh Phí Văn Đ.

2. Về con chung: Chị Ngô Thị T được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục hai con chung là Phí Văn Đ2, sinh ngày 13-11-2014 và Phí Văn N, sinh năm 28-10-2019, từ khi án có hiệu lực pháp luật cho đến khi hai con đến tuổi trưởng thành (đủ 18 tuổi). Anh Phí Văn Đ không phải cấp dưỡng nuôi con và có quyền, nghĩa vụ đi lại thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về án phí: Chị Ngô Thị T phải chịu 300.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm để nộp ngân sách nhà nước. Xác nhận chị Ngô Thị T đã nộp 300.000 đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: AA/2021/0003311 ngày 16 tháng 6 năm 2023 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện C, tỉnh Lạng Sơn.

5. Quyền kháng cáo: Nguyên đơn; bị đơn; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Tòa án nhân dân tỉnh Lạng Sơn;
- Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lạng Sơn;
- Viện kiểm sát nhân dân huyện C;
- Chi cục Thi hành án dân sự huyện C;
- UBND thị trấn C, huyện C;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN –CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)

Phan Thị Thanh Huyền